

Số: 20/2005/QĐ-UB

TP Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THU PHÍ VÀ ĐẦU THẦU PHÍ  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí ngày 28/8/2001 của UBTW Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí - Lệ phí;

Căn cứ Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về Phí - Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2004 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc thông qua danh mục và mức thu phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2004/NQ-HĐND7 ngày 09/12/2004 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ Quốc phòng an ninh; Quỹ Phòng, chống lụt bão và điều chỉnh, bổ sung một số loại phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư pháp thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thu phí và đầu thầu phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ (kèm Danh mục phí và mức thu).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 292/2004/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về quản lý thu phí và đầu thầu phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. CẦN THƠ  
CHỦ TỊCH  
Võ Thanh Tông**

**QUY ĐỊNH**

**VỀ VIỆC QUẢN LÝ THU PHÍ VÀ ĐẦU THẦU PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
(Ban hành theo Quyết định số 20/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 3 năm 2005  
của UBND thành phố Cần Thơ)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Pháp lệnh Phí, lệ phí.

**Điều 2.** Các loại phí thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này gồm:

1. Các loại phí do xã, phường, thị trấn quản lý thu: (được giao cho ủy nhiệm thu theo Quyết định số 2640/QĐ-UB ngày 30/8/2004 của UBND thành phố)

- Phí chợ;
- Phí qua đò, qua phà;
- Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, ô tô;
- Phí bến bãi đậu xe;
- Phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu;
- Phí vệ sinh (không thuộc dịch vụ phí);
- Phí xây dựng công trình nhà ở dân cư.

2. Các loại phí do các cơ quan Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp (kể cả quận, huyện) quản lý thu:

- Phí đo đạc lập bản đồ địa chính;
- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;
- Phí tham quan danh lam thắng cảnh;
- Phí thư viện;
- Phí vệ sinh (không thuộc dịch vụ phí);
- Phí dự thi, dự tuyển;
- Phí bảo vệ môi trường và nước thải;
- Phí xây dựng các công trình của các đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Phí đấu giá tài sản.

3. Các loại phí, lệ phí do Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quy định thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ khi được cấp có thẩm quyền cho phép thu thì thực hiện theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ và Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

### **Điều 3. Thu nộp tiền phí:**

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định nhiệm vụ thu phí; các tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp tiền phí vào Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo quy định.

2. UBND xã, phường, thị trấn được giao thu phí theo Quyết định ủy nhiệm thu của UBND thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ nộp tiền phí vào NSNN theo quy định.

### **Điều 4. Danh mục, mức thu phí:**

1. Danh mục, mức thu phí ban hành kèm theo danh mục này là mức thu cụ thể cho các loại danh mục phí. Trên cơ sở này các địa phương áp dụng mức thu cụ thể từng loại phí phát sinh.

2. Mức thu này cũng được áp dụng cho các loại phí thu từ các dịch vụ không phải phí thuộc NSNN; là doanh thu để tính thuế cho các cơ sở kinh doanh khi khai thác các dịch vụ này.

3. Mức thu chi phí nước thải trong phạm vi quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy là 500 đ/m<sup>3</sup> (thực hiện theo Hiệp định hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và CHLB Đức thúc đẩy án thoát nước và xử lý nước thải).

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, THU NỘP, SỬ DỤNG CHỨNG TỪ PHÍ**

#### **Điều 5. Quản lý thu phí:**

1. Những loại phí trong danh mục do UBND thành phố ban hành, quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quy định này, phát sinh ở địa phương nào thì do UBND xã, phường, thị trấn nơi đó quản lý và tổ chức thu. Chi cục thuế có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và phân cấp quản lý cụ thể cho các xã, phường, thị

trấn, Đội thuế làm tham mưu cho UBND xã, phường, thị trấn quản lý thu phí theo đúng quy định về Pháp lệnh Phí, Lệ phí.

1.1. Loại phí của xã, phường, thị trấn đã được đấu thầu, người trúng thầu sẽ tổ chức thu nộp.

1.2. Các loại phí không tổ chức đấu thầu, do ủy nhiệm thu hoặc chỉ định thu, tùy theo tính chất, UBND xã, phường, thị trấn chỉ đạo phải lập bộ đối với các loại phí ổn định, đồng thời khảo sát các loại phí không ổn định mà giao mức thu nộp ngân sách cho ủy nhiệm thu của xã, phường, thị trấn là người trực tiếp thu nộp phí.

Đối tượng thu nộp phí quy định tại điểm 1.1, 1.2 trên đây là ủy nhiệm thu của UBND xã, phường, thị trấn đã ký hợp đồng với Chi cục thuế phải thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

2. Phí, lệ phí quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 2 của Quy định này, cơ quan, đơn vị thu phải tổ chức quản lý, sử dụng và nộp vào NSNN theo quy định hiện hành.

**Điều 6.** Quản lý thu, nộp tiền phí:

Cơ quan, đơn vị tổ chức thu phí phải đăng ký kê khai thu phí hàng tháng với cơ quan thuế và phải nộp tờ khai thu phí trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo; đồng thời, có trách nhiệm nộp số tiền phí vào NSNN theo quy định không quá ngày 15 của tháng sau.

UBND xã, phường, thị trấn, các đơn vị được giao thu phí có trách nhiệm đôn đốc các đối tượng thu phí thuộc phạm vi mình quản lý, tổ chức thu và đăng nộp vào NSNN hàng tháng theo quy định.

Đối với các khoản tiền dự thầu để tham gia đấu thầu và tiền đặt cọc khi đã trúng thầu, Chi cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng dự thầu và trúng thầu nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thuế tại Kho bạc Nhà nước cùng cấp theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Đối với các khoản phí do các đơn vị được phép thu phí, đơn vị hoạt động công ích tổ chức thu (phí thu từ các dịch vụ) khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì phải đăng ký với cơ quan thuế để kê khai doanh thu và nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế (khoản phí này được gọi là khoản thu không thuộc NSNN theo Khoản 1, Điều 11 Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ).

Cuối năm thực hiện quyết toán chứng từ thu, số tiền thu, nộp vào NSNN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý; đồng thời, quyết toán việc sử dụng phí được trích để lại với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán - thống kê.

**Điều 7.** Đăng ký kê khai và sử dụng chứng từ thu phí:

Các tổ chức, cá nhân được phép thu phí phải đăng ký, kê khai với cơ quan thuế theo đúng quy định và đăng ký nhận mẫu biểu, chứng từ thu do ngành thuế phát hành, khi thu phí phải cấp chứng từ thu cho người nộp tiền. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thu phí không sử dụng chứng từ hoặc chứng từ không đúng quy định.

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh thu từ dịch vụ phí không thuộc ngân sách phải đăng ký với cơ quan thuế về hóa đơn, chứng từ thu, vé thu theo hướng dẫn của cơ quan thuế; đồng thời, là đối tượng kê khai nộp thuế theo quy định.

**Điều 8.** Lập bộ, thông báo, tổ chức thu nộp:

Căn cứ vào tính ổn định và thường xuyên của từng loại phí tại các phường, xã, thị trấn, ngành thuế phối hợp với UBND cùng cấp chỉ đạo lập bộ để theo dõi thu; thông báo cho đối tượng nộp chậm nhất vào cuối tháng hai hàng năm và tùy vào thu nhập của hộ mà động viên hộ nộp một hoặc hai lần trong năm, số phí thu được phải đăng nộp kịp thời vào NSNN, trên nguyên tắc phí ở xã nào thì nộp ngân sách xã đó. Trường hợp thu nộp của hai địa phương có vị trí hành chính khác nhau thì Phòng Tài chính làm tham mưu cho ủy ban nhân dân cùng cấp phân chia số phí thu được cho từng địa phương có phát sinh về phí.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC ĐẤU THẦU PHÍ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Điều 9.** Xác định mức giá khởi điểm:

Chủ tịch UBND quận, huyện chỉ đạo Phòng Tài chính, UBND xã, phường, thị trấn khảo sát về mức giá, tính chất ổn định, thường xuyên của từng loại phí ở địa phương có trong danh mục quy định, trên

nguyên tắc số tiền thu của năm trước và khả năng phát triển về số thu của năm tiếp theo để quyết định mức giá khởi điểm đưa ra đấu thầu.

**Điều 10.** Mức thu phí phải đưa ra đấu thầu:

- Mức thu trên 36 triệu đồng/năm của một địa điểm thu phí thì phải tổ chức đấu thầu.

- Các loại phí thuộc đối tượng đưa ra đấu thầu theo mức trên bao gồm:

+ Phí chợ;

+ Phí qua đò, qua phà;

+ Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, ô tô;

+ Phí bến bãi đậu xe;

+ Phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu;

+ Phí vệ sinh (không thuộc dịch vụ).

- Khi đưa các loại phí ra đấu thầu cần xác định rõ phạm vi, ranh giới cụ thể để việc thu phí không trùng lặp giữa phạm vi áp dụng đấu thầu phí với phạm vi ủy nhiệm thu các xã, phường, thị trấn.

**Điều 11.** Nội dung đấu thầu phí gồm có:

1. Mức giá khởi điểm do UBND xã, phường, thị trấn công bố trên cơ sở văn bản do UBND quận, huyện quyết định theo các điều kiện sau:

- Đảm bảo sát với tổng thu phí của các năm qua;

- Được hình thành trên nguyên tắc mức giá thu phí kèm theo tại Quyết định này;

- Nêu rõ phạm vi và đối tượng thu phí.

2. Thời gian đấu thầu là 1 năm, lấy thời điểm là kết thúc năm dương lịch.

3. Người tham gia đấu thầu phải cam kết đủ năng lực thực hiện hợp đồng, trước khi dự đấu thầu phải nộp dự thầu một khoản tiền 10% trên tổng số tiền của giá khởi điểm mới được tham gia đấu thầu; người không trúng thầu sẽ được hoàn lại số tiền dự thầu. Sau khi kết thúc buổi đấu thầu, người trúng thầu phải đặt cọc từ 15% đến 25% trên tổng giá trị trúng thầu vào tài khoản tiền gửi của Chi Cục Thuế tại Kho bạc Nhà nước quận, huyện (trên cơ sở biên bản tổ chức đấu thầu); trước 5 ngày bàn giao điểm thu phí cho người trúng thầu, UBND xã, phường, thị trấn phải làm thủ tục hợp đồng giao nhận thầu và hoàn trả khoản tiền 10% tiền dự thầu cho người trúng thầu. Riêng số tiền đặt cọc được hoàn trả lại khi chấm dứt hợp đồng và phải thanh lý hợp đồng. Trường hợp người trúng thầu đơn phương chấm dứt hợp đồng thì số tiền đặt cọc được sung vào NSNN; UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức đấu thầu lại theo Quy định này.

4. Phải thông báo công khai, rộng rãi khu vực thu phí, thời gian, địa điểm đấu thầu thu phí; tùy vào loại phí và mức phí đấu thầu, giao UBND quận, huyện xem xét quyết định mức đặt cọc từ 15% đến 25% giá trị trúng thầu.

**Điều 12.** Thành phần tham dự đấu thầu:

- Đại diện UBND xã, phường, thị trấn chủ trì;

- Đại diện Phòng Tài chính;

- Đại diện Chi cục thuế;

- Tài chính xã, phường, thị trấn;

- Đội trưởng Đội Thuế;

- Các đối tượng tham gia đăng ký đấu thầu (tối thiểu phải có 2 đối tượng trở lên tham gia đấu thầu).

Trường hợp không đủ đối tượng tham gia đấu thầu thì UBND xã, phường, thị trấn chỉ định ủy nhiệm thu, trên cơ sở số phí phát sinh mà giao mức nộp NSNN.

**Điều 13.** Đối tượng trúng thầu:

Đối tượng trúng thầu là người có số tiền đầu thầu cao nhất và được thực hiện hợp đồng trúng thầu theo phương thức: Đối tượng nhận thầu được hưởng 100% phần thu vượt, nếu lỗ thì phải bù đắp phí theo hợp đồng giao nhận. Khi nhận thầu phải làm hợp đồng trúng thầu với UBND xã, phường, thị trấn; hợp đồng phải được ghi rõ những nội dung sau:

- Số tiền trúng thầu phải nộp vào NSNN hàng tháng;

- Quyền lợi và nghĩa vụ của người trúng thầu; trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn khi thực hiện đúng các quy định của hợp đồng. Khi có thiên tai hoặc một số trường hợp đột xuất khác sẽ được điều chỉnh bằng phụ kiện hợp đồng.

- UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thông báo công khai mức giá trúng thầu thu phí sau khi tổ chức đấu thầu để mọi người biết.

**Điều 14.** Các loại phí không qua đấu thầu và phí thu từ các dịch vụ không thuộc phí ngân sách:

- Đối với các loại phí do ủy nhiệm thu của xã, phường, thị trấn thu (ngoài đấu thầu) có số thu nhỏ, không ổn định, giao UBND xã, phường, thị trấn phối hợp cùng Chi Cục Thuế chỉ đạo Ban Tài chính cùng Đội Thuế tổ chức khảo sát, lập danh sách hộ nộp phí và xác định giá khởi điểm. UBND xã, phường, thị trấn tổ chức ủy nhiệm thu để tổ chức thu nộp phí vào NSNN đúng quy định.

- Đối với các loại phí nêu tại quy định này và các loại phí, lệ phí do Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quy định, các tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp và sự nghiệp có thu (kể cả các đoàn thể) có tổ chức thu, số tiền phí thu được sau khi trích để lại cho đơn vị được hưởng theo quy định, số còn lại phải nộp vào NSNN.

- Đối với phí do các đơn vị sự nghiệp có thu (đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) hoặc các đơn vị công ích được giao thu thì số tiền phí thu từ các dịch vụ không thuộc phí NSNN, là doanh thu tính thuế theo quy định của pháp luật thuế; các tổ chức và cơ sở kinh doanh phải nhận chứng từ thu bằng hóa đơn hoặc vé do Cục Thuế phát hành.

**Điều 15.** UBND xã, phường, thị trấn đã ký hợp đồng với Chi cục Thuế thu các loại phí quy định tại Khoản 1, Điều 2: phí chợ; phí qua đò, qua phà; phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe ô tô; phí bến bãi đậu xe; phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu; phí vệ sinh (trừ các tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp công ích); phí xây dựng công trình nhà ở dân cư; được trích để lại số tiền thu phí trước khi nộp vào NSNN tối đa là 10% để tổ chức thu phí theo quy định tại điểm c, mục 2, Điều 11, Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ để trả thù lao cho người trực tiếp thu phí và các chi phí khác như chi mua biểu mẫu, biên lai, vé thu phí (gọi là chứng từ thu phí).

Các tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp, Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp có thu, kể cả quận, huyện, nếu được giao nhiệm vụ thu phí thì được trích để lại theo quy định sau đây:

- Trường hợp tổ chức thu phí được NSNN đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí cả năm thì số phí thu được nộp 100% vào NSNN.

- Trường hợp tổ chức thu phí chưa được NSNN đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí thì tổ chức thu phí được trích để lại tỷ lệ % sử dụng cho chi phí phục vụ cho việc thu phí theo công thức sau:

Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho việc thu phí:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}}$$

Các đơn vị được phép thu phí khi đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép tỷ lệ được trích phải mở tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn và nộp 100% số phí thu hàng tháng vào tài khoản tạm giữ, căn cứ vào tỷ lệ được trích, chuyển số phải nộp theo tỉ lệ vào NSNN và số được trích vào tài khoản của đơn vị mình.

## Chương IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 16.** Giao UBND quận, huyện, các Sở, Ban, ngành thành phố có liên quan chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quy định này. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định quản lý thu phí, đấu thầu phí sẽ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

**Điều 17.** Các đối tượng được thu phí do UBND xã, phường, thị trấn quản lý phải chấp hành nghiêm chỉnh việc thu các mức phí đúng quy định và nộp tiền phí theo hợp đồng đã ký (đối với hộ trúng thầu).

**Điều 18.** Nghiêm cấm các cơ quan, cán bộ lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tiền phí; khi phát hiện, phải bồi thường toàn bộ số tiền sử dụng trái phép vào ngân sách và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 19.** Giao Sở Tài chính hướng dẫn quyết toán việc sử dụng số tiền phí được trích và quyết toán tài chính đối với cơ quan Tài chính cùng cấp theo chế độ kế toán thống kê của Nhà nước quy định.

**Điều 20.** Giao Cục Thuế có trách nhiệm in ấn, cấp phát chứng từ thu phí theo quy định của Bộ Tài chính và xây dựng Quy chế đấu thầu hướng dẫn cho các tổ chức đơn vị, cá nhân thu phí; đồng thời, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức triển khai hướng dẫn việc thực hiện quản lý, thu nộp, sử dụng phí, thanh quyết toán chứng từ cho các đối tượng (kể cả đối tượng trúng thầu) theo quy định pháp luật về phí, lệ phí. Cơ quan thuế cung cấp biểu mẫu và chứng từ thu, biên lai thu, vé thu cho UBND xã, phường, thị trấn để tổ chức thu phí.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, báo cáo về UBND thành phố để kịp thời chỉ đạo./.

## DANH MỤC

### PHÍ VÀ MỨC THU PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*(Ban hành theo quyết định số 20/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 3 năm 2005 của UBND thành phố Cần Thơ)*

SỐ TT	DANH MỤC PHÍ	MỨC THU
<b>I</b>	<b>PHÍ CHỢ</b>	<b>đồng/ngày</b>
1	Đối với hộ mua bán khu vực (tự sản tự tiêu) 1 buổi chợ 1 ngày chợ	1.000 2.000
2	Đối với hộ cố định (kể cả bán trên lòng, lề đường)	5.000
<b>II</b>	<b>PHÍ QUA PHÀ, QUA ĐÒ</b>	<b>đồng/người/chuyến</b>
1	Phí qua phà	
	a) Đối với người	500
	b) Đối với người và phương tiện hành lý	
	- Người và xe gắn máy	2.000
	- Người và xe đạp	1.000
	- Người kèm theo hành lý (chiếm diện tích trên 1m <sup>2</sup> hoặc trên 100kg)	1.500
2	Phí qua đò	
	- Đối với người	
	+ Đò ngang: Dưới 300m	200
	Từ 300m - dưới 500m	300
	Từ 500m - dưới 1000m	500
	Từ trên 1000m	1.000
	+ Đò dọc: Chiều dài của tuyến sông dưới 2 km (nếu chiều dài tuyến sông dài hơn 2km, thì cứ 1km thu thêm 500 đồng)	1.000
	- Đối với người và phương tiện	

	+ Đò ngang: Dưới 1km Trên 1 km + Đò dọc: Người và xe máy Người và xe đạp (nếu chiều dài tuyến sông dài hơn 2km, thì cứ 1km thu thêm 1.000 đồng)	1.000 2.000 2.000 1.000
<b>III</b>	<b>PHÍ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, GẮN MÁY, MÔ TÔ, Ô TÔ</b>	<b>đồng/lần/chiếc</b>
1	Xe ô tô trên 12 chỗ; xe tải có tải trọng trên 2,5 tấn - Giữ một lần - Giữ cả đêm	5.000 10.000
2	Xe ô tô 12 chỗ trở xuống; xe tải có tải trọng dưới 2,5 tấn - Giữ một lần - Giữ cả đêm	4.000 8.000
3	Xe gắn máy; mô tô - Các phường trong quận Ninh Kiều: + Giữ một lần + Giữ cả đêm - Các xã, phường và thị trấn còn lại: + Giữ một lần + Giữ cả đêm	1.000 2.000 500 1.000
4	Xe đạp (trường hợp hợp đồng giữ xe tháng thì do các bên thỏa thuận nhưng mức tối đa không quá quy định này nhân số ngày gửi giữ trong tháng) - Các phường trong quận Ninh Kiều - Các xã, phường, thị trấn còn lại	500 200
<b>IV</b>	<b>PHÍ BẾN BÃI ĐẠU XE</b>	<b>đồng/lần/chiếc</b>
1	Xe lam, Daihasu, du lịch dưới 12 ghế, xe tải trọng tải từ 1 tấn trở xuống	4.000
2	Xe tải trên 1 tấn đến 2,5 tấn, xe du lịch từ 12 ghế đến 15 ghế	6.000
3	Xe khách trên 15 ghế và xe tải trên 2,5 tấn	8.000
4	Ba gác, xe gắn máy (loại chở người thu tiền)	2.000
<b>V</b>	<b>PHÍ SỬ DỤNG MẶT NƯỚC ĐẬU GHE TÀU</b>	<b>đồng/lần/chiếc</b>
1	Đối tượng sử dụng mặt nước có diện tích lớn, địa thế thuận lợi, trọng tải lớn trên 10 tấn.	4.000
2	Đối tượng sử dụng mặt nước có trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn.	3.000
3	Đối tượng sử dụng mặt nước có diện tích nhỏ, địa thế không thuận lợi, trọng tải nhỏ dưới 5 tấn.	1.000
4	Bè nuôi cá trên sông	5.000đ/m <sup>2</sup> /năm
<b>VI</b>	<b>PHÍ ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ</b>	<b>đồng/m<sup>2</sup></b>

1	Khu vực đất ở, nhà ở đô thị tỷ lệ 1/500 - Đất có nhà - Đất không có nhà - Đất nông nghiệp khu vực đô thị và dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500	600 550 300
2	Đất nông nghiệp khu vực nông thôn - Tỷ lệ 1/500 - Tỷ lệ 1/1.000 - Tỷ lệ 1/2.000 - Tỷ lệ 1/5.000 Đất chuyên dùng khu vực đô thị - Tỷ lệ 1/500	200 100 30 10 500
3	Đất nông nghiệp khu vực đô thị - Tỷ lệ 1/1.000 - Tỷ lệ 1/2.000	200 180
4	Đất chuyên dùng khu vực nông thôn & đất khác - Tỷ lệ 1/500 - Tỷ lệ 1/1.000	300 100
5	Đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất phục vụ cho việc cấp giấy CNQSDĐ đại trà của các đối tượng thuộc NSNN thì thu phí đo đạc khi kiểm tra xác minh diện tích và lập hồ sơ kỹ thuật đô thị. - Đối với khu vực đô thị - Đối với khu vực nông thôn	đồng/vụ 30.000 20.000
<b>VII</b>	<b>PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI</b>	<b>đồng/thửa đất và đồng/văn bản</b>
1	Trích lục : Hồ sơ địa chính Hồ sơ hành chính Hồ sơ thanh tra Hồ sơ kế hoạch	5.000 5.000 5.000 5.000
2	Tư liệu - bản đồ - Bản đồ tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1.000 - Bản đồ tỷ lệ: 1/2.000, 1/5.000, 1/10.000, 1/25.000, 1/50.000, 1/100.000	40.000 50.000
<b>VIII</b>	<b>PHÍ THAM QUAN DANH LAM THẮNG CẢNH</b>	<b>đồng/lần</b>
1	Chợ nổi	2.000
2	Khu du lịch	5.000
3	Vườn du lịch, điểm tham quan	3.000
<b>IX</b>	<b>PHÍ THƯ VIỆN</b>	<b>đồng/thẻ/năm</b>
	Cấp thẻ bạn đọc (kể cả ép nhựa)	10.000

<b>X</b>	<b>PHÍ VỆ SINH</b>	<b>đồng/tháng</b>
1	Các cơ quan HCSN, cơ quan Đảng, Đoàn thể - Trụ sở nằm độc lập - Trụ sở cơ quan nằm chung một khuôn viên, thì mỗi đơn vị thu	15.000 10.000
2	Đối với trường học (từ mẫu giáo đến đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, bán công, dân lập, công lập): - Trường dưới 10 phòng - Trường từ 10 đến 20 phòng - Trường trên 20 phòng	20.000 30.000 50.000
3	Đối với công ty, xí nghiệp: - Văn phòng nằm độc lập - Các Công ty, Xí nghiệp sản xuất, kinh doanh	50.000 70.000
4	Đối với cơ sở SXKD, DV (Riêng đối với nhà trọ, cứ mỗi phòng thu 3.000đ/phòng/tháng)	50.000
5	Đối với khách sạn	200.000
6	Đối với nhà hàng	200.000
7	Đối với khách sạn và nhà hàng	300.000
8	Đối với hộ buôn bán cố định tại các chợ (không thu phí đối với các đối tượng buôn bán nhỏ, lẻ)	10.000
9	Đối với hộ gia đình không SXKD nhà mặt tiền	10.000
10	Đối với hộ gia đình không SXKD nhà trong hẻm	5.000
<b>XI</b>	<b>PHÍ DỰ THI, DỰ TUYỂN</b>	<b>Đồng/thí sinh/lần thi</b>
1	Tuyển sinh (xét tuyển) tất cả học sinh đăng ký dự xét tuyển lớp đầu cấp trường trung học cơ sở (lớp 6), trường trung học phổ thông (lớp 10)	5.000
2	Thi tốt nghiệp bậc trung học: Tất cả thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học hệ phổ thông, bổ túc. - Dự thi tốt nghiệp THCS, bổ túc THCS - Dự thi tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT	15.000 20.000
3	Phí dự thi, dự tuyển (theo Thông tư liên tịch số 28/2003/TTLB/BTC.BGD&ĐT ngày 04/4/2003)	
	- Thí sinh đăng ký dự thi sơ tuyển và dự thi vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (đối với các trường có tổ chức thi)	40.000
	- Thí sinh thuộc diện xét tuyển hoặc tuyển thẳng vào trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.	15.000
	- Sơ tuyển bao gồm tất cả các môn (đối với các trường có tổ chức sơ tuyển trước khi thi chính thức)	20.000
	- Dự thi văn hoá (bao gồm tất cả các môn)	20.000
	- Dự thi năng khiếu (bao gồm tất cả các môn)	50.000

<b>XII</b>	<b>PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NƯỚC THẢI</b>	<b>đồng/m<sup>3</sup></b>
1	Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, gia đình tại các quận, huyện (trừ quận Ninh Kiều, Bình Thủy)	180
2	Nước thải công nghiệp tính theo từng chất gây ô nhiễm được quy định tại Điều 6 của Nghị định số 67/2003/NĐ.CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ.	Thu theo quy định tại Điều 6 của ND số 67/2003/NĐ.CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ.
<b>XIII</b>	<b>PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>% giá trị xây dựng</b>
1	Các công trình xây dựng của các đơn vị sản xuất, KDDV, ... (trừ các thiết bị máy móc lắp đặt) + Giá trị xây dựng đến 1 tỷ đồng + Giá trị xây dựng trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng + Giá trị xây dựng trên 5 tỷ đồng	0,4 0,2 0,1
2	Các công trình là nhà ở dân cư: - Nhà ở đô thị (bao gồm các quận và các thị trấn thuộc các huyện): + Giá trị xây dựng trên 500 triệu đồng + Giá trị xây dựng trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng + Giá trị xây dựng từ 200 triệu đồng trở xuống - Nhà ở vùng nông thôn (kể cả ven đô thị và các thị tứ): + Giá trị xây dựng từ trên 200 triệu đồng + Giá trị xây dựng từ 200 triệu đồng trở xuống	đồng/công trình  500.000 300.000 150.000  150.000 100.000
<b>XIV</b>	<b>Phí đấu giá</b>	<b>Đồng/hồ sơ</b>
1	Gói đấu giá có giá trị từ 01 triệu đến dưới 5 triệu đồng	20.000
2	Gói đấu giá có giá trị từ 5 triệu đến dưới 10 triệu đồng	50.000
3	Gói đấu giá có giá trị từ 10 triệu đến dưới 50 triệu đồng	100.000
4	Gói đấu giá có giá trị từ 50 triệu đến dưới 100 triệu đồng	200.000
5	Gói đấu giá có giá trị từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng	300.000
6	Gói đấu giá có giá trị từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng	400.000
7	Gói đấu giá có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên	500.000

\* Đối với mục III: Phí trông giữ xe đạp, gắn máy, mô tô, ô tô được áp dụng cho cả trường hợp các cơ quan nhà nước tạm giữ xe trong xử lý vi phạm hành chính.

\* Đối với mục - X phí vệ sinh: tại điểm 2, 3, 4 nếu trừ lượng rác trên 2m<sup>3</sup>/tháng, điểm 5, 6, nếu trừ lượng rác thải ra trên 4m<sup>3</sup>/tháng và điểm 7 nếu trừ lượng rác thải ra trên 6m<sup>3</sup>/tháng; phần vượt so với trừ lượng rác quy định trên thì đơn vị thu gom rác được ký hợp đồng thu phí với mức 90.000đ/m<sup>3</sup>.

Trên cơ sở mức giá quy định thu, đơn vị thu gom rác có trách nhiệm thu gom, xúc rác lên xe, vận chuyển đến bãi rác và xử lý san ủi bãi rác theo đúng quy định.